

Bản án số: 15 / 2024/ HNGĐ - ST
Ngày: 14 - 5- 2024.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hà Giang và ông Lê Thanh Thu.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trịnh Việt Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/ 2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 09/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Y, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Đội 13, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Vũ Đức T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Ngô Thị Y, còn vắng mặt anh Vũ Đức T (anh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là chị Ngô Thị Y trình bày: Chị và anh Vũ Đức T sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2006 tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau đó được hai bên gia đình tổ chức cưới, sau khi cưới vợ chồng về chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã N, huyện N để sinh sống, nên vợ chồng sống ly thân kể từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly

thân chị và anh T không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, vợ chồng không thể về đoàn tụ được. Do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Đức T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống cho đến nay chị và anh T có hai con chung là cháu Vũ Thị Yến N, sinh ngày 13/4/2007 và cháu Vũ Gia H, sinh ngày 20/3/2017, hiện tại các cháu đang ở cùng với chị. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu N và cháu H cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị.

Về con riêng, chị và anh T không ai có, do vậy nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Y xác định đề chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết về tài sản, nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Đức T, hiện anh đang có hộ khẩu và làm ăn sinh sống tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án cho anh Vũ Đức T, anh T nhận nhưng từ chối không ký văn bản có sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Đã quá thời hạn Thông báo nhưng anh T không có văn bản trả lời, bản tự khai trình bày về quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y. Tòa án đã giao giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, anh T đã nhận các văn bản nhưng anh T vẫn không ký biên bản khi nhận và anh không đến Tòa án làm việc, không có bản khai và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì để thể hiện quan điểm của anh và để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng cho mình. Như vậy Tòa án đã giao các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định. Việc anh T vắng mặt không có lý do, song đã được Tòa án triệu tập tới phiên tòa họp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Thị Y xử cho ly hôn với anh Vũ Đức T. Về con: giao cháu Vũ Thị Yến N, sinh ngày 13/4/2007 và cháu Vũ Gia H, sinh ngày 20/3/2017 cho chị Ngô Thị Y được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Vũ Đức T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Yến. Về tài sản không có và không có yêu cầu, do vậy không đặt ra xem

xét giải quyết. Về án phí chi Y phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm đề sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ngô Thị Y có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Vũ Đức T, có địa chỉ tại xã Khánh Hội, huyện Y. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Y, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 26/4/2024 có mặt chị Ngô Thị Y còn anh Vũ Đức T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Ngô Thị Y có mặt, còn anh Vũ Đức T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Y và Vũ Đức T đã có thời gian tự do tìm hiểu, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2006 tại UBND xã K, huyện Y, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau nhiều lần, do mâu thuẫn, nên chị Y đã cùng các con chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị tại xã N, huyện N để sinh sống và vợ chồng sống ly thân kể từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị Y và anh T không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tại phiên tòa chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng về đoàn tụ nên chị giữ nguyên và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Đức T.

Căn cứ vào các tài liệu chị Yยื่น xuất trình cũng như qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, chị Y và anh T sống với nhau cho đến năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, do mâu thuẫn nên chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian này chị Y và anh T không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Mặc khác anh T đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nên biết rõ về nội dung yêu cầu xin ly hôn của chị Y đối với anh, song anh T bỏ mặc, không còn quan tâm đến đời sống chung của vợ chồng. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56

của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y xin ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Y và anh T cho đến nay có hai con chung là cháu Vũ Thị Yến N, sinh ngày 13/4/2007 và cháu Vũ Gia H, sinh ngày 20/3/2017. Nay ly hôn chị Y đề nghị Tòa án giao cháu N và cháu H cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Hiện tại chị đang làm công nhân tại Công ty cổ phần PMJ có mức lương hàng tháng là 12.000.000 đồng, nên có thu nhập ổn định. Xét nguyện vọng nuôi con của chị Y là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu N mong muốn được ở cùng với chị Y, mặt khác chị Y có đủ điều kiện về kinh tế, thời gian chăm sóc con. Chính vì vậy cần giao cháu N và cháu H cho chị Y được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Y là phù hợp. Về con riêng, chị Y và anh T không có và không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị Yến xác định để chị và anh T tự thỏa thuận phân chia nên chị không có yêu cầu do đó không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Y là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, đề sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Y xin ly hôn anh Vũ Đức T

- Về hôn nhân: Cho chị Ngô Thị Y ly hôn anh Vũ Đức T.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Yến N, sinh ngày 13/4/2007 và cháu Vũ Gia H, sinh ngày 20/3/2017 cho chị Ngô Thị Y được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Vũ Đức T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Yến.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Chị Ngô Thị Y phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí chi đã nộp theo biên lai BLTU/23 số 0001628 ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y .
- UBND xã K.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung